

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 418/2019/DS-ST

Ngày: 23/7/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Nguyên Thao

2. Ông Chu Mạnh Tường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2019/TLST-DS ngày 19/02/2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2019/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 155/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Trụ sở: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Phạm Trường Th, sinh năm 1994; Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần S (theo văn bản ủy quyền số 2324/2018/UQ-TTT ngày 31/12/2018).

Bị đơn: Ông Phùng Xuân Th, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số 39/20/9 Đường 10, Khu phố 3, phường L, quận T, Thành phố H.

(Nguyên đơn có yêu cầu **vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa**).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định:

Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng S) và **ông Phùng Xuân Th** (gọi tắt là **ông Th**) có tiền hành giao dịch vay tiền theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 04/5/2012. Theo nội dung hợp đồng, **ông Th** được cấp hạn mức 10.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng với lãi suất thẻ của Ngân hàng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, **ông Th** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 10.990.000 đồng và đã thanh toán được tiền lãi là 2.622.722 đồng và ngưng không thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ từ ngày 21/02/2013, như vậy **ông Th** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định trong hợp đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc còn lại là 12.132.788 đồng và tiền lãi quá hạn 35.549.104 đồng. **Tổng cộng 47.681.892 (Bốn mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi một nghìn tám trăm chín mươi hai) đồng**. Yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Bị đơn ông Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến tòa để làm việc, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án và ý kiến của Viện Kiểm sát về yêu cầu giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Đối với các bên đương sự: Bị đơn đã được tòa tổng đạt hợp lệ nhưng không đến. Tại phiên tòa hôm nay **nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt**, bị đơn cũng không có mặt và không có ý kiến gì. Do đó đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật theo hướng **chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với **ông Th** phát sinh từ quan hệ hợp đồng dân sự về vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn **ông Th** cư trú trên địa bàn quận T, Thành phố H, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H.

Bị đơn **ông Phùng Xuân Th** vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét về hình thức Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 04/5/2012 giữa Ngân hàng S và **ông Th** được lập bằng văn bản và xác lập hoàn toàn tự nguyện là phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo nội dung hợp đồng, **ông Th** được cấp hạn mức 10.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng và áp dụng chính sách lãi theo dạng thẻ tín dụng ở từng giai đoạn. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, **ông Th** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền thanh toán bằng thẻ 10.990.000 đồng, **ông Th** đã đóng được tiền lãi là 2.622.722 đồng và ngưng không đóng tiền vốn và lãi nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định trong hợp đồng. Lãi suất tiêu dùng áp dụng đối với thẻ tín dụng hai bên thỏa thuận là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Tại phiên tòa nguyên đơn **có đơn yêu cầu vắng mặt** và vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình như nói trên.

Do bị đơn không đến Tòa án tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không gửi văn bản hay giao nộp tài liệu chứng cứ liên quan đến giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để xác định bị đơn có vay tiền của nguyên đơn và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Ý kiến của bị đơn **ông Phùng Xuân Th** đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Trong suốt quá trình tiến hành tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không đến và không có ý kiến, không có yêu cầu phản tố gì nên HĐXX không xem xét gì thêm.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thương mại cổ phần S về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với **ông Phùng Xuân Th.**

Buộc **ông Phùng Xuân Th** trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền **47.681.892 (Bốn mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi một nghìn tám trăm chín mươi hai) đồng** ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày **24/7/2019**, ông Phùng Xuân Th còn phải thanh toán cho ngân hàng thương mại cổ phần S tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí: Bị đơn **ông Phùng Xuân Th** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: **2.384.095 (Hai triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn không trăm chín mươi lăm) đồng**. Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 1.112.426 (Một triệu một trăm mười hai nghìn bốn trăm hai mươi sáu) đồng, theo biên lai số 0023624 ngày 19/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. T;
- VKSND TP. H;
- Tòa án ND TP.HCM;
- Chi cục THADS Q.T;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Loan